

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘ ĐỨC
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2022/DS-ST

Ngày: 17-8-2022

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘ ĐỨC, TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Trương

2. Ông Phạm Thanh Lý

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Thuyền, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

Ngày 17 tháng 8 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2022/TLST-DS, ngày 15 tháng 3 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2022/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng C; địa chỉ: Tòa nhà C, Khu B, phường H, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T - Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Minh N – Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện M; địa chỉ: Tổ dân phố X, thị trấn M, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Lê Ngọc H; địa chỉ: Thôn V, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Lê Thị Hồng G; địa chỉ: Thôn V, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

3.2. Bà Lê Thị Xuân B; địa chỉ: Thôn V, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/02/2022, các văn bản trình bày khác trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng C trình bày:

Ngày 30/8/2017 Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện M đã giải ngân cho ông Lê Ngọc H, đại diện cho hộ gia đình vay số tiền 50.000.000đồng theo sổ vay vốn có mã khách hàng là 7082882595, lãi suất 0,75%/tháng, thời gian cho vay là 36 tháng, đã gia hạn thêm 02 lần là 17 tháng, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 09/01/2022. Mục đích vay là để thực hiện chương trình chăn nuôi bò theo chương trình cho vay hộ sản xuất kinh doanh vùng khó khăn. Trong thời gian vay, hộ ông Lê Ngọc H đã trả lãi cho Ngân hàng từ ngày 30/8/2017 đến ngày 09/01/2022 với tổng số tiền là 17.884.148đồng.

Tài sản bảo đảm tiền vay: Cho vay không có bảo đảm bằng tài sản (cho vay ủy thác qua Hội Nông dân xã Đ, huyện M).

Khi đến hạn trả nợ cuối cùng, hộ ông Lê Ngọc H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên ngày 09/01/2022 Ngân hàng C đã chuyển số tiền vay 50.000.000đồng sang nợ quá hạn.

Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở và ông H đã cam kết đến ngày 21/02/2022 sẽ trả cho Ngân hàng 50.000.000đồng tiền gốc và toàn bộ số tiền lãi phát sinh. Tuy nhiên, đến nay hộ ông H vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết. Do đó, để kịp thời thu hồi vốn cho Ngân sách nhà nước, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Ngọc H và các thành viên hộ gia đình đã ủy quyền cho ông H đại diện hộ gia đình vay vốn là bà Lê Thị Xuân B, chị Lê Thị Hồng G phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng C tổng số tiền tạm tính đến ngày 17/8/2022 là 45.063.021đồng, trong đó: Nợ gốc là 43.487.809đồng; nợ lãi quá hạn là 1.575.212đồng.

Bị đơn ông Lê Ngọc H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Hồng G, bà Lê Thị Xuân B đã được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác, nhưng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không giao nộp tài liệu chứng cứ cho Tòa án và vắng mặt tại các phiên làm việc, hòa giải, xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn Ngân hàng C khởi kiện yêu cầu hộ ông Lê Ngọc H trả nợ vay của Ngân hàng. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Lê Ngọc H có nơi cư trú tại Thôn V, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Tại phiên tòa, nguyên đơn có mặt; bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 2

Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét vắng mặt ông H, bà G và bà B.

[2] Về nội dung:

[2.1] Trong đơn khởi kiện, Ngân hàng C yêu cầu ông Lê Ngọc H, bà Lê Thị Hồng G phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông Lê Ngọc H và các thành viên trong hộ gia đình ông H là bà Lê Thị Hồng G và bà Lê Thị Xuân B phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho Ngân hàng C. Việc thay đổi yêu cầu khởi kiện nêu trên của nguyên đơn là không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Ngày 22/6/2017 03 thành viên trong hộ gia đình ông Lê Ngọc H là: Ông Lê Ngọc H, bà Lê Thị Hồng G và bà Lê Thị Xuân B ủy quyền cho ông Lê Ngọc H đại diện cho hộ gia đình đứng tên vay và thực hiện các giao dịch với Ngân hàng C; đồng thời, các thành viên trong hộ gia đình ông Lê Ngọc H cam kết chịu trách nhiệm đối với toàn bộ các khoản vay tại Ngân hàng C.

[2.3] Căn cứ sổ vay vốn có mã khách hàng là 7082882595, sổ lưu tờ rời theo dõi cho vay – thu nợ - dư nợ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Ngày 30/8/2017 Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện M đã giải ngân cho ông Lê Ngọc H, đại diện cho hộ gia đình vay số tiền 50.000.000đồng, lãi suất 0,75%/tháng, thời gian cho vay là 36 tháng, đã gia hạn thêm 02 lần là 17 tháng, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 09/01/2022. Mục đích vay vốn là để thực hiện chương trình chăn nuôi bò theo chương trình cho vay hộ sản xuất kinh doanh vùng khó khăn. Từ ngày 30/8/2017 đến ngày 09/01/2022, hộ ông Lê Ngọc H đã trả lãi cho Ngân hàng với tổng số tiền là 17.884.148đồng.

[2.4] Khi đến hạn trả nợ, mặc dù Ngân hàng C đã nhiều lần phối hợp với Tổ trưởng Tổ tiết kiệm và vay vốn, Hội Nông dân xã Đ, Ủy ban nhân dân xã Đ đôn đốc hộ gia đình ông H trả nợ, ông Lê Ngọc H đại diện cho hộ gia đình cam kết trả nợ nhiều lần nhưng sau đó vẫn không chịu trả nợ cho Ngân hàng.

[2.5] Căn cứ theo các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp, có căn cứ xác định: Đến ngày 22/02/2022 hộ ông Lê Ngọc H còn nợ Ngân hàng C tổng số tiền là 52.478.084đồng, trong đó: Nợ gốc là 50.000.000đồng, nợ lãi là 2.478.084đồng. Đến ngày 26/4/2022, ông Lê Ngọc H đại diện cho hộ gia đình có trả cho Ngân hàng C 10.000.000đồng, trong đó: Tiền nợ gốc là 6.512.191đồng và tiền lãi là 3.487.809đồng. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 17/8/2022) thì hộ ông H còn nợ Ngân hàng C tổng số tiền là 45.063.021đồng, trong đó: Nợ gốc là 43.487.809đồng; nợ lãi quá hạn là 1.575.212đồng.

[2.6] Do đó, Ngân hàng C khởi kiện yêu cầu các thành viên trong hộ gia đình ông Lê Ngọc H, gồm: Ông Lê Ngọc H, bà Lê Thị Hồng G và bà Lê Thị Xuân B phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng C số tiền nợ trên là có căn cứ, phù hợp với những nội dung các bên đã thỏa thuận, cam kết, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã cung cấp và phù hợp với quy định tại các điều 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; các điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.7] Đối với ông Lê Ngọc H, bà Lê Thị Hồng G và bà Lê Thị Xuân B, mặc dù đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, biết Ngân hàng C khởi kiện nhưng ông H, bà G và bà B không có ý kiến phản đối và cũng không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì có liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên ông H, bà G và bà B phải chịu hậu quả theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên ông Lê Ngọc H, bà Lê Thị Hồng G và bà Lê Thị Xuân B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền mà các ông, bà phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng là: $45.063.021 \text{ đồng} \times 5\% = 2.253.000 \text{ đồng}$.

Ngân hàng C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, các điều 144, 147, 235, 244, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 103, 288, 463, 466, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; các điều 91 và 95 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng C.

2. Buộc ông Lê Ngọc H, bà Lê Thị Hồng G và bà Lê Thị Xuân B phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng C tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 17/8/2022) là 45.063.021 đồng (bốn mươi lăm triệu không trăm sáu mươi ba nghìn không trăm hai mươi một đồng), trong đó:

- Nợ gốc là 43.487.809 đồng (bốn mươi ba triệu bốn trăm tám mươi bảy nghìn tám trăm linh chín đồng);

- Nợ lãi quá hạn là 1.575.212 đồng (một triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn hai trăm mười hai đồng).

3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận trong sổ lưu tờ rời theo dõi cho vay – thu nợ - dư nợ đối với khách hàng Lê Ngọc H, mã khách hàng 7082882595.

4. Về án phí: Ông Lê Ngọc H, bà Lê Thị Hồng G và bà Lê Thị Xuân B phải chịu 2.253.000 đồng (hai triệu hai trăm năm mươi ba nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng C không phải chịu án phí sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng

cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Mộ Đức;
- Chi Cục THADS huyện Mộ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Phong